TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08 – 8 – 2019

"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trọng Tâm

Ông Nguyễn Lập Tiến

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Quyên – Thư ký Toà án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Trần Tố Lâm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08/7 và ngày 08/8/2019, tại Toà án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 05/6/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích N – Sinh năm 1986
Địa chỉ: Tổ A, khối D, Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N1 – Sinh năm 1981
Địa chỉ: Tổ A, khối D, Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Văn N1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/3/2005 tại Ủy ban nhân dân xã N2, huyện N3, tỉnh Nam Định.

Về mâu thuẫn vợ, chồng: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do chồng tôi ham chơi cờ bạc, lô đề, trai gái không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình con cái. Do mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng, không thể khắc phục được, nếu có tiếp tục chung sống thì cũng không có hạnh phúc nên nguyện vọng của tôi xin được ly

hôn anh Nguyễn Văn N1.

Về con chung: Có 03 con chung

+ Nguyễn Ngọc H – Sinh ngày 10/12/2005;

+ Nguyễn Quỳnh C – Sinh ngày 9/7/2010;

+ Nguyễn Khánh H1 – Sinh ngày 08/01/2016;

Trong đơn khởi kiện tôi có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con là H, C, H1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn N1 đã bán căn nhà mà chúng tôi chung sống tại khối B, Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và đem theo hai con là Nguyễn Quỳnh C – sinh ngày 9/7/2010; Nguyễn Khánh H1 – sinh ngày 08/01/2016 bỏ về quê tại N3, Nam Định sống cùng gia đình bố mẹ anh N1. Đối với cháu Nguyễn Ngọc H thì trong quá trình hòa giải tại Tòa án anh N1 có yêu cầu là muốn nuôi cháu H và cháu H1, tuy nhiên hiện nay cháu H đang trực tiếp sống cùng với tôi và cháu H cũng có nguyện vọng muốn ở cùng với tôi. Vì vậy, tôi đồng ý giao cháu Nguyễn Quỳnh C – Sinh ngày 9/7/2010; Nguyễn Khánh H1 – Sinh ngày 08/01/2016 cho anh Nguyễn Văn N1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng còn tôi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc H – Sinh ngày 10/12/2005 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, tôi không yêu cầu anh N1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai và tại phiên hòa giải ngày 18/4/2019 bị đơn anh Nguyễn Văn N1 trình bày:

Tôi thừa nhận lời trình bày của cô Nguyễn Thị Bích N về thời điểm đăng ký kết hôn, về con chung là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì trong quá trình chung sống, vợ chồng chúng tôi cũng có phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên chưa đến mức trầm trọng nên nguyện vọng của tôi xin được đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Có 03 con chung

+ Nguyễn Ngọc H – Sinh ngày 10/12/2005;

+ Nguyễn Quỳnh C – Sinh ngày 9/7/2010;

+ Nguyễn Khánh H1 – Sinh ngày 08/01/2016;

Tôi có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, cháu C cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Và đồng ý giao cháu H1 cho cô N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương: Anh Nguyễn Văn N1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khối D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và hiện vẫn chưa cắt khẩu khỏi địa phương. Tuy nhiên, khoảng cuối tháng 5/2019, anh N1 đã bán nhà và cùng hai cháu Nguyễn Quỳnh C, Nguyễn Khánh H1 rời khỏi địa phương. Sau đó chị Nguyễn Thị Bích N cùng cháu Nguyễn Ngọc H cũng chuyển đi nơi khác sinh sống.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian vợ chồng anh N1 chị N sinh sống tại địa phương thì cũng xảy ra mâu thuẫn. Tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không nắm rõ nên không cung cấp. Nay chị Nguyễn Thị Bích N làm đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn N1 thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử cũng như phía nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Bích N và ông Nguyễn Văn N1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Qúa trình sống chung vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện ông N1 đã bán nhà tại địa chỉ: Tổ liên gia A, TDP D, phường T, thành phố B và đưa các cháu Nguyễn Quỳnh C (sinh ngày 09/7/2010), Nguyễn Khánh H1 (sinh ngày 08/01/2016) về quê của ông N1 tại tỉnh Nam Định sinh sống. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bích N và ông Nguyễn Văn N1 không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích N, là có cơ sở chấp nhận.

Đối với việc nuôi con chung sau ly hôn, nhận thấy: Tại đơn yêu cầu ly hôn và trong quá trình toà án thụ lý vụ án bà Nguyễn Thị Bích N có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc 03 con chung là các cháu: Nguyễn Ngọc H (sinh ngày 10/12/2005), Nguyễn Quỳnh C (sinh ngày 09/7/2010), Nguyễn Khánh H1 (sinh ngày 08/01/2016) đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Nguyễn Văn N1 phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên toà bà N xin thay đổi quyền nuôi con chung, cụ thể: Bà N đồng ý nuôi cháu H đến tuổi trưởng thành và đồng ý giao các cháu C, H1 cho ông Nguyễn Văn N1 nuôi dưỡng chăm sóc đến tuổi trưởng thành. Tuy nhiên, tại biên bản hoà giải ngày 03/5/2019 ông Nguyễn Văn N1 có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc các cháu H, C đến tuổi trưởng thành và đồng ý giao cháu H1 cho bà N chăm sóc nuôi dưỡng. Xét thấy, việc thay đổi quyền nuôi con chung của bà N tại phiên toà ngày hôm nay là trái với nguyện vọng của ông N1 và do ông N1 vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 259 Bộ luật Tố tụng Dân sự cho tạm ngừng phiên toà để thông báo về việc thay đổi quyền nuôi con chung của bà N tại phiên toà ngày hôm nay cho ông N1 biết, để có căn cứ giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp pháp các văn bản tố tụng cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Quyết định tạm ngừng phiên tòa nhưng anh Nguyễn Văn N1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì

vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn N1.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Văn N1 kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 19/3/2005 tại Ủy ban nhân dân xã N2, huyện N3, tỉnh Nam Định, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Bích N xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Nguyễn Thị Bích N được ly hôn anh Nguyễn Văn N1. Mặc dù anh N1 cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên không đồng ý ly hôn nhưng từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày mở phiên tòa chị N và anh N1 vẫn không khắc phục được mâu thuẫn, tại phiên tòa chị N vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh N1.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Văn N1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích N, cho chị N được ly hôn anh Nguyễn Văn N1

- Về con chung: Trong đơn khởi kiện chị N có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con là Nguyễn Ngọc H – Sinh ngày 10/12/2005; Nguyễn Quỳnh C– Sinh ngày 9/7/2010; Nguyễn Khánh H1 – Sinh ngày 08/01/2016 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tuy nhiên tại phiên tòa chị N thay đổi ý kiến, đồng ý giao hai con là Nguyễn Quỳnh C– Sinh ngày 9/7/2010; Nguyễn Khánh H1 – Sinh ngày 08/01/2016 cho anh N1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù anh N1 thể hiện nguyện vọng là muốn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H và cháu C nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Nguyễn Ngọc H và cháu H thể hiện nguyện vọng là muốn được ở cùng với mẹ. Vì vậy Hội đồng xét xử nghĩ cần giao cháu Nguyễn Ngọc H – Sinh ngày 10/12/2005 cho chị Nguyễn Thị Bích N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; giao các cháu Nguyễn Quỳnh C– Sinh ngày 9/7/2010; Nguyễn Khánh H1 – Sinh ngày 08/01/2016 cho anh Nguyễn Văn N1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn N1 và chị Nguyễn Thị Bích N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích N. Cho chị Nguyễn Thị Bích N được ly hôn với anh Nguyễn Văn N1.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc H – Sinh ngày 10/12/2005 cho chị Nguyễn Thị Bích N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Giao các cháu Nguyễn Quỳnh C – Sinh ngày 9/7/2010; Nguyễn Khánh H1 – Sinh ngày 08/01/2016 cho anh Nguyễn Văn N1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn N1 và chị Nguyễn Thị Bích N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà Nguyễn Thị Bích N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0012054 ngày 19/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- UBND xã N2, H. N3
Tỉnh Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Trang